

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29/12/2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung
khi ly hôn Xuân - Tâm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thúy

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 239/2021/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2021 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1994; ĐKKH: Thôn H, xã T3, huyện T2, tỉnh T1; Hiện đang ở: Đội 2, thôn H1, xã T4, huyện Đ, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Phạm Khang T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn H, xã T3, huyện T2, tỉnh T1.

(Chị X và anh T đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bằng bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Khang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T4, huyện Đ, tỉnh Đ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại xã T3, huyện Thái T2 được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm về sinh hoạt và khác biệt quá lớn về cách sống nên không cùng suy nghĩ với nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh chị ly thân từ tháng 02/2021 đến nay. Nay chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Khang T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là cháu Phạm Kiều A, sinh ngày 20/02/2013. Từ khi anh chị sống ly thân, cháu Kiều A hiện đang ở với chị X, ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu Kiều A cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì hoàn cảnh ở xa, đi lại khó khăn và dịch bệnh Covid đang diễn ra phức tạp nên chị X đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Trong bản tự khai ngày 04/11/2021, bị đơn anh Phạm Khang T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T xác nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn giống như chị X trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Do mâu thuẫn kéo dài, chị X đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã T4, huyện Đ sinh sống và anh chị ly thân từ tháng 02/2021 đến nay, không quan T đến nhau. Nay chị X xin ly hôn anh cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị X.

Về con chung: Anh chị có một con chung như chị X trình bày, hiện cháu Kiều A đang ở cùng chị X và học tập tại xã T4, huyện Đ, tỉnh Đ. Để đảm bảo điều kiện cho con được tốt nhất, không làm xáo trộn đời sống của con, anh đề nghị Tòa án giao cho con cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con như đề nghị của chị X.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung, không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc và sức khỏe nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại Biên bản xác minh đề ngày 24/11/2021 tại Ủy ban nhân dân xã T3, huyện T2, nơi anh chị đã từng chung sống, đại diện địa phương cung cấp:

Quá trình chung sống của chị X và anh T tại địa phương có phát sinh mâu thuẫn, chị X có báo cáo địa phương về việc anh chị xảy ra tình trạng cãi chửi nhau do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Nay chị X làm đơn xin ly hôn anh T, Ủy ban nhân dân xã T3 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị X được ly hôn anh T. Căn cứ vào Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao cho chị X được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Kiều A, sinh ngày 20/02/2013, chị X không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Không đặt ra giải quyết về tài sản chung và nợ chung do các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T3, huyện T2, tỉnh T1, hiện nay anh T đang sinh sống và lao động tại địa phương, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T2 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Phạm Khang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn số 01 ngày 14/01/2012 tại UBND xã T4, huyện Đ, tỉnh Đ. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, có tình trạng đánh cãi nhau do vợ chồng không cùng quan điểm sống. Anh chị đã ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 02/2021 đến nay. Qua xác minh tại địa phương và căn cứ vào lời trình bày trong bản tự khai của các đương sự cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định việc chị X và anh T xảy ra mâu thuẫn là có thật, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2021 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, cả chị X và anh T đều không đề nghị hòa giải vì xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể đoàn tụ với nhau và đều đồng ý ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh T đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X để vợ chồng đoàn tụ cũng không thành, cần xử cho chị X được ly hôn anh T là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về con chung: Chị X và anh T có một con chung là Phạm Kiều A, sinh ngày 20/02/2013. Cả chị X và anh T đều thống nhất quan điểm nếu ly hôn để chị X trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kiều A và chị X không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Kiều A cũng có nguyện vọng được ở với chị X. Hội đồng xét xử xét thấy, cần để chị X tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Kiều A để ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi, sự phát triển tốt nhất về mọi mặt của con chung. Điều này cũng phù hợp với các quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình. Chị X và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai

được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị X và anh T không có nợ chung, không có tài sản chung, đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Xuân và anh T có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Phạm Khang T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Kiều A, sinh ngày 20/02/2013, chị X không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị X và anh T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Xuân phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Xuân đã nộp tạm ứng án phí biên lai số 0003835 ngày 04/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T2 sang thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã T4, huyện Đ, tỉnh Đ (Nơi ĐKKH);
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh T1;
- TAND tỉnh T1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Thái Thụy;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đào Thị Xuân Quỳnh